

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2015

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN CHƯA HỢP NHẤT
QUÝ 1 NĂM 2015**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A -	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2,353,874,100,291	2,412,087,504,715
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V1	476,579,873,933	568,365,071,697
1	Tiền	111		288,895,873,933	234,495,071,697
2	Các khoản tương đương tiền	112		187,684,000,000	333,870,000,000
II	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		643,826,315,280	745,637,977,429
1	Đầu tư ngắn hạn	121	V2	760,496,519,042	858,300,882,680
2	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	V3	(116,670,203,762)	(112,662,905,251)
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1,149,891,039,404	1,021,206,469,105
1	Phải thu khách hàng	131	V4	301,471,006,904	312,375,504,590
2	Trả trước cho người bán	132	V5	117,697,370,908	69,967,162,297
3	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5	Các khoản phải thu khác	135	V6	737,556,066,903	656,697,207,529
6	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V7	(6,833,405,311)	(17,833,405,311)
IV	Hàng tồn kho	140		22,116,455,493	23,904,542,399
1	Hàng tồn kho	141		22,116,455,493	23,904,542,399
2	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V	Tài sản ngắn hạn khác	150		61,460,416,181	52,973,444,085
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V8	4,552,074,530	2,085,309,238
2	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1,120,203,002	-
3	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		12,102,964,743	4,217,145,334
4	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5	Tài sản ngắn hạn khác	158	V9	43,685,173,906	46,670,989,513

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành và phải đọc cùng Thuyết minh báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2015**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B -	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		3,799,157,950,681	3,741,601,429,148
I	Các khoản phải thu dài hạn	210		37,000,000,000	37,000,000,000
1	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2	Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3	Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4	Phải thu dài hạn khác	218	V10	37,000,000,000	37,000,000,000
5	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II	Tài sản cố định	220		413,604,132,505	410,274,919,094
1	Tài sản cố định hữu hình	221	V11	322,937,282,479	332,299,069,202
	<i>Nguyên giá</i>	222		940,524,833,131	936,303,887,583
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(617,587,550,652)	(604,004,818,381)
2	Tài sản cố định thuê tài chính	224	V12	26,220,425,017	14,392,730,508
	<i>Nguyên giá</i>	225		27,238,685,609	14,592,547,596
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(1,018,260,592)	(199,817,088)
3	Tài sản cố định vô hình	227	V13	4,162,965,188	4,455,022,466
	<i>Nguyên giá</i>	228		11,458,486,153	11,458,486,153
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(7,295,520,965)	(7,003,463,687)
4	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V14	60,283,459,821	59,128,096,918
III	Bất động sản đầu tư	240		-	-
	<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		3,271,816,858,556	3,223,196,141,038
1	Đầu tư vào công ty con	251	V15	2,354,470,749,428	2,310,538,249,428
2	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V16	732,399,791,279	727,075,791,280
3	Đầu tư dài hạn khác	258	V17	380,905,332,000	382,905,332,000
4	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V18	(195,959,014,151)	(197,323,231,670)
V	Tài sản dài hạn khác	260		76,736,959,620	71,130,369,016
1	Chi phí trả trước dài hạn	261	V19	10,271,013,768	4,994,473,164
2	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		16,069,763,352	16,069,763,352
3	Tài sản dài hạn khác	268	V20	50,396,182,500	50,066,132,500
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		270		6,153,032,050,972	6,153,688,933,863

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành và phải đọc cùng Thuyết minh báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2015

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A -	NỢ PHẢI TRẢ	300		1,499,620,647,564	1,533,456,870,586
I	Nợ ngắn hạn	310		590,742,936,208	617,166,271,514
1	Vay và nợ ngắn hạn	311	V21	253,655,972,449	277,688,542,614
2	Phải trả người bán	312	V22	77,077,419,898	69,295,869,307
3	Người mua trả tiền trước	313	V23	8,557,442,381	6,509,573,223
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V24	729,145,955	22,587,302,977
5	Phải trả người lao động	315	V25	4,262,781,015	14,055,370,460
6	Chi phí phải trả	316	V26	116,484,415,204	96,894,361,572
7	Phải trả nội bộ	317		-	-
8	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V27	66,587,795,944	65,432,864,774
10	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	V28	57,114,224,835	56,982,318,300
11	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		6,273,738,527	7,720,068,287
12	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II	Nợ dài hạn	330		908,877,711,355	916,290,599,072
1	Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2	Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3	Phải trả dài hạn khác	333	V29	1,522,612,083	857,354,183
4	Vay và nợ dài hạn	334	V30	895,486,397,617	903,181,681,890
5	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		11,868,701,655	12,251,562,999
6	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7	Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8	Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B -	NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		4,653,411,403,409	4,620,232,063,277
I	Vốn chủ sở hữu	410		4,653,411,403,409	4,620,232,063,277
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V31	1,161,379,940,000	1,161,379,940,000
2	Thặng dư vốn cổ phần	412	V31	2,471,474,474,400	2,471,474,474,400
3	Vốn khác của chủ sở hữu	413	V31	69,388,382,902	69,388,382,902
4	Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7	Quỹ đầu tư phát triển	417	V31	44,814,492,012	44,814,492,012

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành và phải đọc cùng Thuyết minh báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

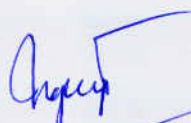
BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2015

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

8	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	V31	41,700,427,105	41,700,427,105
9	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V31	864,653,686,990	831,474,346,858
10	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
11	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1	Nguồn kinh phí	432		-	-
2	Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		6,153,032,050,972	6,153,688,933,863

Tp Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 05 năm 2015


Trương Như Nguyên
Người lập biểu


Nguyễn Minh Nguyệt
Kế toán trưởng


Đỗ Văn Minh
Tổng Giám đốc



Đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, P.Bến Nghé, Quận 1 TP HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH CHƯA HỢP NHẤT
Quý 1 Năm 2015

Đơn vị tính: VND

	Chỉ tiêu	Quý 1		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
		Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	Doanh thu bán hàng và dịch vụ	207,077,466,869	208,282,906,622	207,077,466,869	208,282,906,622
2	Các khoản giảm trừ				
3	Doanh thu thuần về bán hàng và dịch vụ	207,077,466,869	208,282,906,622	207,077,466,869	208,282,906,622
4	Giá vốn hàng bán	194,410,785,925	201,893,010,848	194,410,785,925	201,893,010,848
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và dịch vụ	12,666,680,944	6,389,895,774	12,666,680,944	6,389,895,774
6	Doanh thu hoạt động tài chính	89,772,237,026	35,583,950,017	89,772,237,026	35,583,950,017
7	Chi phí tài chính	56,164,707,860	(3,538,882,641)	56,164,707,860	(3,538,882,641)
	Trong đó :				
	- Chi phí lãi vay	15,509,338,483	17,773,615,256	15,509,338,483	17,773,615,256
8	Chi phí bán hàng	1,086,529,352	863,013,724	1,086,529,352	863,013,724
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	11,884,866,011	12,935,902,812	11,884,866,011	12,935,902,812
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	33,302,814,747	31,713,811,896	33,302,814,747	31,713,811,896
11	Thu nhập khác	247,430,331	979,357,797	247,430,331	979,357,797
12	Chi phí khác	158,400,000	299,698,689	158,400,000	299,698,689
13	Lợi nhuận khác	89,030,331	679,659,108	89,030,331	679,659,108
14	Lợi nhuận trước thuế	33,391,845,078	32,393,471,004	33,391,845,078	32,393,471,004
15	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	595,366,290	137,571,211	595,366,290	137,571,211
	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(382,861,344)	435,763,138	(382,861,344)	435,763,138
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	33,179,340,132	31,820,136,655	33,179,340,132	31,820,136,655

Lập Báo cáo tài chính này ngày 11 tháng 05 năm 2015

Trương Như Nguyên
Người lập biểu

Nguyễn Minh Nguyệt
Kế toán trưởng



Đỗ Văn Minh
Tổng Giám đốc

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Thuyết minh báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2015**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ****(Dạng đầy đủ)****(Theo phương pháp gián tiếp)****Quý 1 năm 2015**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	33,391,845,078	32,393,471,004
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	17,288,590,378	16,198,845,320
- Các khoản dự phòng	03	(8,356,919,008)	(21,587,179,648)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	11,006,203,392	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(86,657,304,384)	(11,204,627,605)
- Chi phí lãi vay	06	15,509,338,483	17,773,615,256
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(17,818,246,061)	33,574,124,327
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(5,031,386,628)	2,429,263,603
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	1,788,086,906	(880,168,466)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	6,036,078,300	91,152,269,716
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(7,743,305,896)	3,057,359,132
- Tiền lãi vay đã trả	13	(226,984,686)	(6,706,549,263)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(20,500,155,187)	(36,408,621,111)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	2,042,104,500	4,011,104,451
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(3,893,559,520)	(1,769,645,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(45,347,368,272)	88,459,137,389
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(67,638,862,316)	(98,961,248)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	2,090,909,090	9,782,909,091
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(356,484,000,000)	(1,500,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	456,288,363,638	12,000,000,000

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành và phải đọc cùng Thuyết minh báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2015

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ chưa hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	(49,256,500,000)	(136,209,500,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26	-	11,882,011,095
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	20,657,304,384	7,887,162,413
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	5,657,214,796	(96,256,378,649)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	21,452,627,571	200,227,820,747
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(72,485,446,292)	(156,306,666,402)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(1,062,225,567)	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(52,095,044,288)	43,921,154,345
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(91,785,197,764)	36,123,913,085
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	568,365,071,697	207,150,265,471
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	476,579,873,933	243,274,178,556


Trương Như Nguyên
Người lập biểu


Nguyễn Minh Nguyệt
Kế toán trưởng

Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 05 năm 2015

Đỗ Văn Minh
Tổng Giám đốc

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành và phải đọc cùng Thuyết minh báo cáo tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1 NĂM 2015

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Khai thác cảng, logistics, trồng rừng và bất động sản.
3. **Ngành nghề kinh doanh** :
Công ty cổ phần Gemadept kiên định với chiến lược phát triển các ngành nghề kinh doanh cốt lõi bên cạnh việc tiến hành đa dạng hóa ngành nghề một cách có chọn lọc. Các lĩnh vực kinh doanh của Công ty cổ phần Gemadept bao gồm: khai thác cảng, logistics, trồng rừng và bất động sản.
 - Khai thác cảng: Khai thác hệ thống cảng trải dọc từ Bắc chí Nam, tại các thành phố lớn và các vùng kinh tế trọng điểm: cảng Phước Long, cảng Nam Hải, cảng Nam Hải Đình Vũ, cảng Dung Quất, cảng Bình Dương; Đầu tư vào dự án cảng nước sâu Gemalink Cái Mép và cảng Gemadept Hoa Sen.
 - Logistics: Trung tâm phân phối; Vận tải container chuyên tuyến; Vận tải hàng siêu trường siêu trọng; Vận tải đa phương thức; Quản lý tàu và thuyền viên; Đại lý giao nhận; Ga hàng hóa hàng không...
 - Trồng rừng: Trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến cây cao su và cây công nghiệp tại Campuchia.
 - Bất động sản: Xây dựng và khai thác các trung tâm thương mại, khách sạn, cao ốc văn phòng ở các thành phố lớn tại Việt Nam và khu vực Đông Dương bao gồm: dự án Khu phức hợp Saigon Gem và dự án Khu phức hợp tại Viêng Chăn – Lào.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
Quý 1 năm 2015 bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 và kết thúc vào ngày 31 tháng 3 năm 2015.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	05 - 07
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08

6. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của phương tiện vận tải truyền dẫn là 06 năm.

7. Tài sản thuê hoạt động

Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí khi phát sinh hoặc phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê phù hợp với việc ghi nhận doanh thu cho thuê hoạt động.

Công ty là bên đi thuê

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

10. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

11. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

12. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trang trí nội thất

Chi phí trang trí nội thất được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Chi phí lãi thuê container

Chi phí lãi thuê container được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ là 06 năm.

Chi phí khác

Chi phí khác được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

13. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

14. Trợ cấp thôi việc

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động làm việc thường xuyên tại Công ty từ đủ 12 tháng trở lên. Mức chi trả trợ cấp thôi việc bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 1 năm làm việc đối với thời gian người lao động làm việc tại Công ty không tham gia đóng bảo hiểm thất nghiệp.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

15. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và có khả năng phải thanh toán khoản nợ đó. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính. Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên trong dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tiền lãi.

16. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

17. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

18. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

20. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được quy đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2014 : 21.354 VND/USD
31/03/2015 : 21.515 VND/USD

21. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được trình bày ở thuyết minh số IV.7.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

22. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm các nhóm: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dùng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

23. **Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu**

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

24. **Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

25. **Nợ chuyển đổi thành cổ phiếu**

Nợ chuyển đổi thành cổ phiếu là khoản nợ có thể chuyển đổi thành một số lượng cổ phiếu xác định được quy định tại phương án phát hành. Nợ chuyển đổi thành cổ phiếu được phân loại thành các thành phần nợ phải trả và vốn chủ sở hữu vào nghĩa vụ phải trả theo nội dung thỏa thuận trong hợp đồng và quyền của bên cho vay.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, giá trị phần nợ gốc của nợ chuyển đổi thành cổ phiếu được ghi nhận là nợ phải trả và cấu phần vốn (quyền chọn cổ phiếu) của khoản nợ chuyển đổi được ghi nhận là vốn chủ sở hữu.

Giá trị phần nợ gốc của nợ chuyển đổi thành cổ phiếu được xác định bằng cách chiết khấu giá trị danh nghĩa của khoản thanh toán trong tương lai (gồm cả gốc và tiền lãi) về giá trị hiện tại theo lãi suất của các khoản vay tương tự trên thị trường nhưng không có quyền chuyển đổi thành cổ phiếu. Nếu không xác định được lãi suất của các khoản vay tương tự, lãi suất đi vay phổ biến trên thị trường tại thời điểm phát hành khoản nợ chuyển đổi được sử dụng để xác định giá trị hiện tại của khoản thanh toán trong tương lai. Giá trị thành phần vốn của nợ chuyển đổi là chênh lệch giữa tổng số tiền thu về từ việc phát hành nợ chuyển đổi và giá trị phần nợ của khoản nợ chuyển đổi thành cổ phiếu.

Sau ghi nhận ban đầu, tiền lãi phải trả trong từng kỳ được tính trên cơ sở lãi suất và giá trị phần nợ gốc của khoản nợ chuyển đổi tại thời điểm đầu kỳ được ghi nhận vào chi phí tài chính hoặc vốn hóa. Phần chênh lệch giữa lãi phải trả được tính vào chi phí tài chính hoặc vốn hóa trong kỳ và lãi phải trả tính theo lãi suất danh nghĩa được ghi tăng phần nợ gốc của khoản nợ chuyển đổi.

Khi đáo hạn, giá trị quyền chọn cổ phiếu của nợ chuyển đổi đang phản ánh trong phần vốn chủ sở hữu và phần chênh lệch giữa giá trị phần nợ gốc của nợ chuyển đổi lớn hơn giá trị cổ phiếu phát hành thêm tính theo mệnh giá được ghi nhận là thặng dư vốn cổ phần.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ I NĂM 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi phí phát hành nợ chuyển đổi thành cổ phiếu được phân bổ cho các thành phần nợ phải trả và vốn chủ sở hữu của công cụ đó theo tỷ lệ. Chi phí giao dịch liên quan đến thành phần vốn chủ sở hữu được trình bày là khoản giảm trừ vốn chủ sở hữu. Chi phí phát hành liên quan đến thành phần nợ phải trả bao gồm trong giá trị thành phần nợ và được phân bổ vào chi phí tài chính hoặc vốn hóa theo kỳ hạn của khoản vay theo phương pháp lãi suất thực tế.

26. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

27. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	3.541.186.951	3.164.467.435
Tiền gửi ngân hàng	281.102.324.638	231.325.468.776
Tiền đang chuyển	252.362.344	5.135.486
Các khoản tương đương tiền		
(Tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng)	191.684.000.000	333.870.000.000
Cộng	476.579.873.933	568.365.071.697

2. Đầu tư ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn	144.872.199.042	144.874.562.680
Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept - Terminal Link (xem thuyết minh số V.17)	482.400.000.000	482.400.000.000
Đầu tư ngắn hạn khác	133.224.320.000	231.026.320.000
- Tiền gửi có kỳ hạn từ trên 03 tháng đến 01 năm	1.024.320.000	61.024.320.000
- Cho vay ngắn hạn	132.200.000.000	170.002.000.000
Cộng	760.496.519.042	858.300.882.680

(i) Cổ phiếu Ngân hàng thương mại cổ phần Nam Việt đang phong tỏa với số lượng là 6.800.000 cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2015**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn**

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(112.662.905.251)	(106.584.565.014)
Trích lập dự phòng bổ sung	(4.007.298.511)	(6.078.340.237)
Số cuối kỳ	(116.670.203.762)	(112.662.905.251)

4. Phải thu khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Hoạt động logistics: vận tải, đại lý tàu biển...	273.928.006.904	283.746.504.590
Dịch vụ cho thuê tài sản	27.543.000.000	28.629.000.000
Cộng	301.471.006.904	312.375.504.590

5. Trả trước cho người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH cảng Phước Long	-	6.021.434.386
UNICO HANDELS GMBH	58.844.345.880	-
Công ty cổ phần thương mại cơ khí Tân Thanh	1.490.000.000	-
Công ty TNHH VT biển đông sự thanh niên	-	-
Phương Đông	1.601.983.679	-
Các nhà cung cấp khác	55.761.041.349	63.945.727.911
Cộng	117.697.370.908	69.967.162.297

6. Các khoản phải thu khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Các khoản chi hộ để thực hiện dịch vụ đại lý	35.456.282.740	29.571.349.439
Phải thu về kinh doanh chứng khoán	3.000.000.000	3.000.000.000
Phải thu từ các công ty con, công ty liên kết, hợp tác kinh doanh	323.979.918.580	318.704.872.075
- Công ty cổ phần hòn ngọc Thái Bình Dương (Pacific Pearl) – chi hộ dự án cao su	214.401.675.103	213.322.634.679
- Công ty cổ phần hoa sen Thái Bình Dương (Pacific Lotus) – chi hộ dự án cao su	4.505.038.544	4.680.026.659
- Công ty TNHH cảng Phước Long – chi hộ	48.356.336	-
- Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Dung Quất – tiền lãi vay	425.000.000	-
- Gemadept (Singapore) Ltd. - tiền chi hộ	75.430.075.993	71.868.128.456
- Grand Pacific Shipping - tiền chi hộ	1.181.618.854	1.181.618.854
- Công ty cổ phần du lịch vận tải Trường Thọ - tiền hỗ trợ vốn, chi hộ	14.876.000.000	14.876.000.000
- Công ty TNHH MTV tiếp vận Gemadept – tiền hỗ trợ vốn, chi hộ	-	5.096.000
- Công ty TNHH MTV Gemadept Hải Phòng – tiền chi hộ	47.827.218	60.253.196

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ I NĂM 2015**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Công ty TNHH MTV công nghiệp cao su Thái Bình Dương (Paruco) – tiền chi hộ	1.467.023.347	1.378.568.347
- Công ty cổ phần du lịch Minh Đạm – tiền hỗ trợ vốn	10.000.000.000	10.000.000.000
- Các công ty con, công ty liên kết, hợp tác khác	1.597.303.185	1.332.545.884
Cổ tức, lợi nhuận được chia	358.858.753.504	290.752.453.504
Các khoản phải thu khác	16.261.112.079	14.668.532.511
- Công ty cổ phần du lịch Sài Gòn liên hiệp vận chuyển – tiền chi hộ	6.128.187.500	6.128.187.500
- Phải thu công nhân viên tiền lãi vay	2.857.268.808	3.528.948.416
- Phải thu thanh lý hợp đồng Công ty TNHH vận tải hàng công nghệ cao - Transvina	2.000.000.000	2.500.000.000
- Bảo hiểm xã hội phải thu	-	786.995.084
- Các khoản phải thu khác	5.275.655.771	1.724.401.511
Cộng	737.556.066.903	656.697.207.529
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán từ 03 năm trở lên	(4.040.680.540)	(4.040.680.540)
Dự phòng nợ phải thu quá hạn dưới 1 năm nhưng khó có khả năng thu hồi	(2.792.724.771)	(2.792.724.771)
Dự phòng nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	-	(11.000.000.000)
Cộng	(6.833.405.311)	(17.833.405.311)
Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:		
	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	(17.833.405.311)	(11.773.637.000)
Trích lập/hoàn nhập dự phòng	11.000.000.000	(6.059.768.311)
Số cuối kỳ	(6.833.405.311)	(17.833.405.311)
8. Chi phí trả trước ngắn hạn		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí sửa chữa	140.371.842	119.511.061
Chi phí bảo hiểm	1.424.214.400	725.721.805
Công cụ, dụng cụ	2.193.902.956	1.108.499.660
Chi phí khác	793.585.332	131.576.712
Cộng	4.552.074.530	2.085.309.238
9. Tài sản ngắn hạn khác		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tạm ứng	39.575.113.672	41.553.824.845
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	4.110.060.234	5.117.164.668
Cộng	43.685.173.906	46.670.989.513

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2015**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****10. Phải thu dài hạn khác**

Các khoản góp vốn theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh, bao gồm:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Sông Hằng – góp vốn hợp tác thực hiện dự án cảng tổng hợp Lê Chân	19.000.000.000	19.000.000.000
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng Đông Dương – góp vốn hợp tác thực hiện dự án khu dịch vụ hậu cần Logistics	18.000.000.000	18.000.000.000
Cộng	37.000.000.000	37.000.000.000

11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Nhà cửa, vật kiến trúc bao gồm giá trị quyền sử dụng đất của 2 căn nhà tại số 39 và 40 Quang Trung, TP. Đà Nẵng chưa được định giá.

	<u>Nhà cửa vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá					
Số đầu năm	7.281.263.332	106.657.200.593	815.159.997.077	7.205.426.581	936.303.887.583
Tăng trong kỳ	-	4.264.819.940	268.311.818	-	4.533.131.758
Giảm trong kỳ	-	-	(317.401.000)	-	(317.401.000)
Ảnh hưởng tỷ giá khi chuyển đổi báo cáo	-	-	4.202.100	1.012.690	5.214.790
Số cuối kỳ	7.281.263.332	110.922.020.533	815.115.109.995	7.206.439.271	940.524.833.131
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	5.835.102.784	106.566.327.141	484.412.616.209	7.190.772.247	604.004.818.381
Tăng trong kỳ	104.952.696	217.521.893	13.566.391.791	7.206.684	13.896.073.064
Giảm trong kỳ	-	-	(317.401.000)	-	(317.401.000)
Ảnh hưởng tỷ giá khi chuyển đổi báo cáo	-	-	3.121.413	938.794	4.060.207
Số cuối kỳ	5.940.055.480	106.783.849.034	497.664.728.413	7.198.917.725	617.587.550.652
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	1.446.160.548	90.873.452	330.747.380.868	14.654.334	332.299.069.202
Số cuối kỳ	1.341.207.852	4.138.171.499	317.450.381.582	7.521.546	322.937.282.479

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 378.440.686.509 VND và 172.327.711.776 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn và vay dài hạn (xem thuyết minh số V.22 và V.31).

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ I NĂM 2015**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****12. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính**

	Thiết bị và phương tiện vận tải
Nguyên giá	
Số đầu năm	14.592.547.596
Tăng trong kỳ	12.646.138.013
Số cuối kỳ	27.238.685.609
Giá trị hao mòn	
Số đầu năm	199.817.088
Khấu hao trong kỳ	818.443.504
Số cuối kỳ	1.018.260.592
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	14.392.730.508
Số cuối kỳ	26.220.425.017

13. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	1.250.403.410	10.208.082.743	11.458.486.153
Mua trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	1.250.403.410	10.208.082.743	11.458.486.153
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	-	7.003.463.687	7.003.463.687
Khấu hao trong kỳ	-	292.057.278	292.057.278
Số cuối kỳ	-	7.295.520.965	7.295.520.965
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	1.250.403.410	3.204.619.056	4.455.022.466
Số cuối kỳ	1.250.403.410	2.912.561.778	4.162.965.188

Quyền sử dụng đất đã được thế chấp để đảm bảo các khoản vay ngắn hạn ngân hàng (xem thuyết minh số V.22).

14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí mua sắm tài sản cố định. Chi tiết như sau:

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Số cuối kỳ
Mua sắm TSCĐ	59.128.096.918	1.155.362.902	-	60.283.459.820
Cộng	59.128.096.918	1.155.362.902	-	60.283.459.820

(*) Chi phí mua cầu đã được thế chấp ngân hàng để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh 1 TP. Hồ Chí Minh (xem thuyết minh số V.22).

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ I NĂM 2015**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****15. Đầu tư vào công ty con**

Tên công ty con	Tỷ lệ cổ phần sở hữu (%)		Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Theo giấy phép	Thực góp		
Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Dung Quất	81,60	81,60	41.730.000.000	41.730.000.000
Công ty TNHH dịch vụ vận tải tổng hợp V.N.M	100,00	100,00	7.500.000.000	7.500.000.000
Gemadept (Malaysia) Ltd.	100,00	100,00	15.206.200.000	15.206.200.000
Gemadept (Singapore) Ltd.	100,00	100,00	15.207.300.000	15.207.300.000
Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Nhơn Hội	55,00	3,35	2.343.651.753	2.343.651.753
Công ty TNHH cảng Phước Long	100,00	100,00	100.000.000.000	100.000.000.000
Công ty TNHH ISS Gemadept	51,00	51,00	1.637.304.000	1.637.304.000
Công ty TNHH MTV tiếp vận Gemadept	100,00	100,00	80.000.000.000	80.000.000.000
Công ty cổ phần đại lý liên hiệp vận chuyên – Vũng Tàu	70,00	70,00	67.200.000.000	67.200.000.000
Công ty cổ phần tiếp vận và cảng quốc tế Hoa Sen- Gemadept	51,00	51,00	70.866.282.735	70.866.282.735
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng Gemadept	50,00	50,00	60.000.000.000	60.000.000.000
Công ty TNHH MTV Gemadept Hải Phòng	100,00	23,92	23.924.332.310	23.924.332.310
Công ty cổ phần dịch vụ vận tải Trường Thọ ⁽ⁱ⁾	46,00	46,00	27.600.000.000	27.600.000.000
Công ty cổ phần cảng Nam Hải ⁽ⁱⁱ⁾	99,98	99,98	424.383.000.000	424.383.000.000
Công ty TNHH MTV vận tải hàng hải Thái Bình Dương	100,00	35,00	3.500.000.000	3.500.000.000
Công ty TNHH MTV Logistics Biển Sáng	100,00	21,82	2.182.000.000	2.182.000.000
Công ty TNHH dịch vụ tin học Vĩ Tin	100,00	50,00	500.000.000	500.000.000
Công ty TNHH MTV công nghiệp cao su Thái Bình Dương ⁽ⁱⁱⁱ⁾	100,00	13,02	78.100.000.000	77.500.000.000
Công ty cổ phần hòn ngọc Thái Bình Dương	100,00	66,98	380.765.628.630	380.765.628.630
Công ty cổ phần hoa sen Thái Bình Dương ⁽ⁱⁱⁱ⁾	100,00	58,98	612.699.600.000	569.867.100.000
Công ty cổ phần cảng Nam Hải Định Vũ	84,66	84,66	338.625.450.000	338.625.450.000
Công ty TNHH thiết bị và dịch vụ hàng hải Thái Bình Dương ^(iv)	100,00	5,00	500.000.000	-
Cộng			2.354.470.749.428	2.310.538.249.428

(i) Công ty được sự ủy quyền của một số cổ đông để đạt tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty cổ phần Gemadept trước các cuộc họp đại hội đồng cổ đông là 54%.

(ii) Khoản đầu tư vào Công ty cổ phần cảng Nam Hải đã được thế chấp để đảm bảo các khoản vay dài hạn (xem thuyết minh số V.33).

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ I NĂM 2015**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

- (iii) Tăng do góp vốn bổ sung.
- (iv) Trong kỳ, công ty đã góp vốn đầu tư vào Công ty TNHH thiết bị và dịch vụ hàng hải Thái Bình Dương.

16. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Tên công ty liên kết, liên doanh	Tỷ lệ cổ phần sở hữu (%)		Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Theo giấy phép	Thực góp		
Công ty TNHH thương mại Quả cầu vàng	45,00	45,00	42.761.600.000	42.761.600.000
Công ty cổ phần thương cảng Vũng Tàu (VCP)	26,78	26,78	9.642.000.000	9.642.000.000
Công ty TNHH Molenbergnatie – Gemadept Việt Nam	49,00	49,00	5.110.700.000	5.110.700.000
Công ty cổ phần du lịch Minh Đạm	40,00	11,43	18.754.608.143	18.754.608.144
Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ điện lực	38,03	38,03	23.236.200.000	23.236.200.000
Công ty cổ phần dịch vụ hàng hóa Sài Gòn	29,43	29,43	141.250.000.000	141.250.000.000
Công ty cổ phần liên hợp thực phẩm	26,56	26,56	49.825.280.000	49.825.280.000
Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept Terminal Link ⁽ⁱ⁾	41,67	41,67	351.750.000.000	351.750.000.000
Công ty TNHH Golden Globe	40,00	34,04	83.745.403.136	83.745.403.136
Công ty TNHH tiếp vận "K" Line – Gemadept ⁽ⁱⁱ⁾	50,00	50,00	6.324.000.000	1.000.000.000
Cộng			732.399.791.279	727.075.791.280

- (i) Công ty cổ phần Gemadept đã đầu tư vào Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept –Terminal Link với tỷ lệ là 41,67% vốn điều lệ. Tuy nhiên, Hội đồng quản trị Công ty đồng ý sẽ chuyển nhượng 25% cổ phần trong công ty này trong thời gian sắp tới. Vì vậy, khoản đầu tư vào Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link được trình bày ở khoản mục “Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh” với tỷ lệ góp vốn là 16,67% và khoản mục “Đầu tư ngắn hạn” với tỷ lệ góp vốn là 25% (xem thuyết minh số V.2).

- (ii) Tăng do góp vốn bổ sung.

17. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Đầu tư cổ phiếu	165.581.032.000	165.581.032.000
Đầu tư tài chính dài hạn khác	161.291.300.000	161.291.300.000
Cho vay dài hạn	54.033.000.000	56.033.000.000
- Cho Công ty TNHH MTV tiếp vận Gemadept vay	34.033.000.000	36.033.000.000
- Cho Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Dung Quất vay	20.000.000.000	20.000.000.000
Cộng	380.905.332.000	382.905.332.000

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2015**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****18. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dự phòng đầu tư chứng khoán dài hạn	(113.572.432.000)	(113.572.432.000)
Dự phòng khoản lỗ của các công ty con	(58.617.027.009)	(60.336.727.637)
Dự phòng khoản lỗ của các công ty liên kết, liên doanh	(19.563.120.078)	(19.110.708.499)
Dự phòng các khoản đầu tư dài hạn khác	(4.206.435.064)	(4.303.363.534)
Cộng	(195.959.014.151)	(197.323.231.670)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(197.323.231.670)	(151.714.320.602)
(Trích lập)/Hoàn nhập dự phòng	1.364.217.519	(45.608.911.068)
Số cuối kỳ	(195.959.014.151)	(197.323.231.670)

19. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Phân bổ vào chi phí trong năm	Số cuối kỳ
Chi phí trang trí nội thất	233.035.687	-	(41.597.541)	191.438.146
Chi phí mua phần mềm	15.193.757	-	(15.193.757)	-
Chi phí lãi thuê container	4.701.317.745	4.206.907.452	(346.559.459)	8.561.665.738
Chi phí khác	44.925.975	1.500.576.350	(27.592.441)	1.517.909.884
Cộng	4.994.473.164	5.707.483.802	(430.943.198)	10.271.013.768

20. Tài sản dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ký quỹ thuê tàu	43.030.000.000	42.708.000.000
Ký quỹ hợp đồng bảo lãnh	860.600.000	854.160.000
Các khoản ký quỹ dài hạn khác	6.505.582.500	6.503.972.500
Cộng	50.396.182.500	50.066.132.500

21. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	22.268.832.695	42.032.907.834
- Ngân hàng thương mại cổ phần quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn ⁽ⁱ⁾	16.695.035.717	-
- Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh 1 TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱⁱ⁾	5.573.796.978	27.888.511.523
- Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam ⁽ⁱⁱⁱ⁾	-	14.144.396.311
Vay ngắn hạn các tổ chức khác - Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept - Terminal Link ^(iv)	231.387.139.754	229.655.634.780
Vay dài hạn đến hạn trả	-	6.000.000.000
- Ngân hàng thương mại cổ phần Phương Đông - Chi nhánh Tân Thuận	-	6.000.000.000
Cộng	253.655.972.449	277.688.542.614

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (i) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh vận tải hàng hóa, khai thác cảng và logistics. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp các tài sản như sau:
- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số 41 Quang Trung, phường Hải Châu 1, quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng;
 - Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số 1/1 Phạm Hồng Thái, phường 7, TP. Vũng Tàu;
 - Các tàu Phước Long 28, 30, 32, 34.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh 1 TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo 80% bằng tín chấp và 20% bằng việc thế chấp 04 cầu bờ Liebherr.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp các tài sản như sau:
- Quyền sử dụng đất tọa lạc tại đường Lê Hồng Phong, phường Bình Thủy, TP. Cần Thơ.
 - Cầm cố 13.868.960 cổ phiếu của Ngân hàng thương mại cổ phần Hàng Hải.
- (iv) Khoản vay Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link theo lãi suất cố định quy định trong hợp đồng.

22. Phải trả người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các công ty con, công ty liên kết, hợp tác kinh doanh	31.731.136.534	16.030.716.090
- Công ty TNHH cảng Phước Long	1.049.744.107	-
- Công ty TNHH MTV Gemadept Hải Phòng	21.223.011.025	14.290.346.068
- Công ty cổ phần cảng Nam Hải Đình Vũ	66.226.922	54.036.257
- Công ty TNHH MTV tiếp vận Gemadept	9.268.026.304	1.456.483.427
- Công ty cổ phần cảng Nam Hải	124.128.176	118.790.792
- Công ty TNHH cao ốc Hàng Hải	-	111.059.546
Phải trả cho các nhà cung cấp khác	45.346.283.364	53.265.153.217
Cộng	77.077.419.898	69.295.869.307

23. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Khách hàng ứng trước cho hoạt động logistics: vận tải, đại lý tàu biển,...	8.557.442.381	6.509.573.223
Cộng	8.557.442.381	6.509.573.223

24. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	729.145.955	22.587.302.977
Cộng	729.145.955	22.587.302.977

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 22%.

Theo Luật số 32/2013/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông sẽ giảm từ 22% xuống còn 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Thuế nhà đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

25. Phải trả người lao động

Tiền lương, thưởng còn phải trả công nhân viên.

26. Chi phí phải trả

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí lãi vay	96.816.351.723	81.533.997.926
Chi phí khác	19.668.063.481	15.360.363.646
Cộng	116.484.415.204	96.894.361.572

27. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	268.295.596	-
Cổ tức phải trả	196.978.350	196.978.350
Nhận ký quỹ ngắn hạn	1.307.206.640	794.719.481
Các khoản thu hộ để thực hiện dịch vụ đại lý	16.646.751.747	15.528.556.134
Phải trả các công ty con, công ty liên kết, hợp tác kinh doanh	45.761.406.596	45.728.077.536
- Công ty TNHH MTV Gemadept Hải Phòng – các khoản thu hộ và phải trả khác	21.080.870.108	21.085.413.395
- Công ty cổ phần cảng quốc tế Hoa Sen – Gemadept – tiền hỗ trợ vốn	10.293.585.975	10.293.585.975
- Công ty TNHH MTV công nghiệp cao su Thái Bình Dương – tiền hỗ trợ vốn	8.279.000.000	8.279.000.000
- Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng Gemadept – các khoản thu hộ và phải trả khác	1.920.884.393	1.920.884.393
- Công ty TNHH MTV Logistics Biển Sáng – tiền hỗ trợ vốn	2.142.000.000	2.142.000.000
- Các công ty con, công ty liên kết, hợp tác kinh doanh khác	2.045.066.120	2.007.193.773

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2015**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Các khoản phải trả khác	2.407.157.015	3.184.533.273
Cộng	66.587.795.944	65.432.864.774

28. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng các khoản phải trả liên quan đến những tổn thất phải bồi thường trong quá trình vận chuyển.

29. Phải trả dài hạn khác

Khoản nhận ký quỹ dài hạn.

30. Vay và nợ dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay dài hạn ngân hàng	-	30.000.000.000
- Ngân hàng thương mại cổ phần Phương Đông		
- Chi nhánh Tân Thuận	-	30.000.000.000
Vay chuyển đổi thành cổ phiếu của VI (Vietnam Investments) Fund II, L.P. ⁽ⁱ⁾	860.600.000.000	854.160.000.000
Thuê tài chính Intermodal Investment Fund IV LLC	34.886.397.617	19.021.681.890
Cộng	895.486.397.617	903.181.681.890

(i) Vay chuyển đổi thành cổ phiếu của VI (Vietnam Investments) Fund II, L.P. theo Hợp đồng ngày 18 tháng 6 năm 2012, chi tiết như sau:

Hạn mức vay	:	40.000.000,00 USD
Thời gian ân hạn	:	05 năm kể từ ngày hợp đồng được ký hợp lệ.
Trả gốc	:	Tại thời điểm bất kỳ sau 01 năm kể từ ngày hợp đồng được ký hợp lệ, bên cho vay có quyền nhưng không phải là nghĩa vụ và theo toàn quyền quyết định của bên cho vay, sẽ chuyển đổi toàn bộ hoặc một phần khoản vay (bao gồm gốc và lãi) chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông của Công ty.
Lãi suất	:	Lãi suất áp dụng đối với khoản cho vay trong thời hạn vay là 6%/năm.
Mục đích vay	:	- Giải ngân lần 1: Dự án phát triển dịch vụ Logistics; Đầu tư vào dự án Cảng Nam Hải - Đình Vũ. - Giải ngân lần 2: Đầu tư xe tải nhỏ; Thực hiện dự án tại Campuchia: dự án trồng rừng. - Giải ngân lần 3,4: Sẽ được nhà đầu tư duyệt khi có đề nghị.
Tài sản đảm bảo	:	Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh đã được bên cho vay và bên vay chỉ định nhận tài sản đảm bảo theo Hợp đồng đại lý nhận tài sản bảo đảm ngày 17 tháng 7 năm 2012, bao gồm: - Toàn bộ 999.800 cổ phần của Công ty trong Công ty cổ phần cảng Nam Hải, tương đương 99,98% số cổ phần đã phát hành và đang lưu thông; - Toàn bộ quyền sử dụng đất và công trình xây dựng gắn liền với đất thuộc quyền sở hữu hợp pháp và duy nhất của Công ty cổ phần cảng Nam Hải.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2015**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****31. Vốn chủ sở hữu**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	1.161.379.940.000	1.161.379.940.000
Thặng dư vốn cổ phần	2.471.474.474.400	2.471.474.474.400
Vốn khác của chủ sở hữu	69.388.382.902	69.388.382.902
Quỹ đầu tư phát triển	44.814.492.012	44.814.492.012
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	41.700.427.105	41.700.427.105
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	864.653.686.990	831.474.346.858
Cộng	<u>4.653.411.403.409</u>	<u>4.620.232.063.277</u>

Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	116.137.994	116.137.994
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	116.137.994	116.137.994
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>116.137.994</i>	<i>116.137.994</i>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	116.137.994	116.137.994
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>116.137.994</i>	<i>116.137.994</i>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Quý 1/2015</u>	<u>Quý 1/2014</u>
Doanh thu hoạt động logistics: dịch vụ vận tải, cho thuê tài sản, dịch vụ đại lý,...	207.077.466.869	208.282.906.622
Doanh thu cho thuê văn phòng	-	-
Cộng	<u>207.077.466.869</u>	<u>208.282.906.622</u>

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Quý 1/2015</u>	<u>Quý 1/2014</u>
Giá vốn hoạt động logistics: dịch vụ vận tải, cho thuê tài sản, dịch vụ đại lý...	194.410.785.925	201.893.010.848
Cộng	<u>194.410.785.925</u>	<u>201.893.010.848</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ I NĂM 2015**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Quý 1/2015	Quý 1/2014
Lãi tiền gửi	3.257.535.875	364.322.228
Lãi cho vay vốn	5.130.338.888	6.078.161.487
Cổ tức, lợi nhuận được chia	81.292.648.728	25.000.000.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	91.713.535	4.141.466.302
Cộng	89.772.237.026	35.583.950.017

4. Chi phí tài chính

	Quý 1/2015	Quý 1/2014
Chi phí lãi vay	15.509.338.483	17.773.615.256
Lỗ chênh lệch tỷ giá	21.412.087.278	261.105.455
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	2.643.080.992	(23.330.249.448)
Lỗ đầu tư chứng khoán	14.873.982	1.756.646.096
Chi phí tài chính khác	16.585.327.125	-
Cộng	56.164.707.860	(3.538.882.641)

5. Chi phí bán hàng

	Quý 1/2015	Quý 1/2014
Chi phí bán hàng	1.086.529.352	863.013.724
Cộng	1.086.529.352	863.013.724

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Quý 1/2015	Quý 1/2014
Chi phí nhân viên quản lý	9.213.852.253	7.771.863.292
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.044.510.067	1.194.807.678
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.566.609.127	1.632.405.500
Chi phí khác	(8.940.105.436)	2.336.826.342
Cộng	11.884.866.011	12.935.902.812

7. Thu nhập khác

	Quý 1/2015	Quý 1/2014
Thu tiền thanh lý tài sản cố định	247.430.331	198.909.091
Các khoản thu nhập khác	-	780.448.706
Cộng	247.430.331	979.357.797

8. Chi phí khác

	Quý 1/2015	Quý 1/2014
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý	-	299.698.689
Các khoản chi phí khác	158.400.000	-
Cộng	158.400.000	299.698.689

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Quý 1/2015	Quý 1/2014
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	47.210.834.533	65.127.370.436
Chi phí nhân công	20.715.547.438	25.299.097.812
Chi phí khấu hao tài sản cố định	15.006.573.846	16.429.309.137
Chi phí dịch vụ mua ngoài	124.087.288.093	113.740.669.424
Chi phí khác	361.937.378	8.595.480.575
Cộng	207.382.181.288	229.191.927.384

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Dung Quất	Công ty con
Công ty TNHH dịch vụ vận tải tổng hợp V.N.M	Công ty con
Gemadept (Malaysia) Ltd.	Công ty con
Gemadept (Singapore) Ltd.	Công ty con
Grand Pacific Shipping Ltd.	Công ty con
Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Nhơn Hội	Công ty con
Công ty TNHH cảng Phước Long	Công ty con
Công ty TNHH ISS Gemadept	Công ty con
Công ty TNHH MTV tiếp vận Gemadept	Công ty con
Công ty TNHH vận tải Liên Ước Việt Nam	Công ty con
Công ty cổ phần đại lý liên hiệp vận chuyển – Vũng Tàu	Công ty con
Công ty cổ phần tiếp vận và cảng quốc tế Hoa Sen – Gemadept	Công ty con
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng Gemadept	Công ty con
Công ty TNHH MTV Gemadept Hải Phòng	Công ty con
Công ty cổ phần dịch vụ vận tải Trường Thọ	Công ty con
Công ty cổ phần cảng Nam Hải	Công ty con
Công ty TNHH MTV vận tải hàng hải Thái Bình Dương	Công ty con
Công ty TNHH MTV Logistics Biển Sáng	Công ty con
Công ty TNHH dịch vụ tin học Vĩ Tín	Công ty con
Công ty TNHH MTV công nghiệp cao su Thái Bình Dương	Công ty con
Công ty cổ phần hòn ngọc Thái Bình Dương	Công ty con
Công ty cổ phần hoa sen Thái Bình Dương	Công ty con
Công ty cổ phần cảng Nam Hải Đình Vũ	Công ty con
Công ty TNHH thiết bị và dịch vụ hàng hải Thái Bình Dương	Công ty con
Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept Terminal Link	Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát
Công ty TNHH tiếp vận "K" Line – Gemadept	Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát
Công ty TNHH thương mại Quả cầu vàng	Công ty liên kết
Công ty cổ phần thương cảng Vũng Tàu	Công ty liên kết
Công ty TNHH Molenbergnatie – Gemadept Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty cổ phần du lịch Minh Đạm	Công ty liên kết
Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ điện lực	Công ty liên kết

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ I NĂM 2015**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty cổ phần dịch vụ hàng hóa Sài Gòn	Công ty liên kết
Công ty cổ phần liên hợp thực phẩm	Công ty liên kết
Công ty TNHH Golden Globe	Công ty liên kết

Các giao dịch phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
<i>Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Dung Quất</i>		
Lãi cho vay	425.000.000	-
Cổ tức được chia	21.000.000.000	-
<i>Gemadept (Malaysia) Ltd.</i>		
Chi phí dịch vụ đại lý	125.046.117	173.359.597
<i>Gemadept (Singapore) Ltd.</i>		
Chi hộ	3.561.947.537	3.412.527.546
Chi phí dịch vụ	11.222.556.407	4.635.840.000
<i>Công ty TNHH cảng Phước Long</i>		
Cho vay	35.000.000.000	
Chi hỗ trợ vốn		3.000.000.000
Chi phí dịch vụ	3.975.546.694	13.473.871.711
Chi hộ	48.356.336	5.124.938
Doanh thu dịch vụ, cho thuê tài sản	3.729.090.910	1.841.586.128
Lãi cho vay	1.187.666.667	-
<i>Công ty TNHH MTV tiếp vận Gemadept</i>		
Lãi cho vay	878.406.111	1.475.934.445
Doanh thu vận tải	1.266.148.252	2.698.646.577
Chi phí dịch vụ	18.676.675.780	8.307.562.401
<i>Công ty TNHH MTV Gemadept Hải Phòng</i>		
Thu hộ	-	114.948.045
Doanh thu dịch vụ	9.049.568.040	15.967.836.733
Chi phí dịch vụ	14.412.626.500	17.575.350.155
Chi hộ	12.425.978	
Lợi nhuận được chia	4.000.000.000	
<i>Công ty cổ phần dịch vụ vận tải du lịch Trường Thọ</i>		
Doanh thu cho thuê	1.080.000.000	-
Cổ tức được chia	9.000.000.000	-
<i>Công ty cổ phần cảng Nam Hải</i>		
Cổ tức được chia	46.000.000.000	25.000.000.000
Lãi cho vay		494.083.333

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ I NĂM 2015**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Doanh thu dịch vụ	1.200.000.000	1.200.000.000
Chi phí dịch vụ	323.414.320	319.620.979
<i>Công ty TNHH MTV công nghiệp cao su Thái Bình Dương</i>		
Chi hộ	88.455.000	102.907.000
Góp vốn	600.000.000	1.300.000.000
<i>Công ty TNHH dịch vụ tín học Vĩ Tín</i>		
Chi hộ	343.865.040	165.595.700
<i>Công ty cổ phần hòn ngọc Thái Bình Dương</i>		
Chi hộ	36.833.680	694.490.976
<i>Công ty cổ phần cảng Nam Hải Đình Vũ</i>		
Góp vốn	-	120.000.000.000
Lãi cho vay	2.578.154.999	2.054.413.750
Chi phí dịch vụ	-	202.626.026
<i>Công ty cổ phần dịch vụ hàng hóa Sài Gòn</i>		
Chi phí dịch vụ	98.883.652	97.707.491
<i>Công ty cổ phần hoa sen Thái Bình Dương</i>		
Góp vốn	42.832.500.000	54.909.500.000
<i>Công ty TNHH MTV vận tải hàng hải Thái Bình Dương</i>		
Chi hộ	47.789.261	36.798.500
<i>Công ty TNHH tiếp vận "K" Line - Gemadept</i>		
Góp vốn	5.324.000.000	-
<i>Công ty TNHH thiết bị và dịch vụ hàng hải Thái Bình Dương</i>		
Góp vốn	500.000.000	

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Dung Quất</i>		
Phải thu lãi cho vay	425.000.000	478.361.111
Cho vay	20.000.000.000	20.000.000.000
Phải thu khác	21.000.000.000	

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ I NĂM 2015**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Công ty TNHH dịch vụ vận tải tổng hợp V.N.M</i>		
Phải thu tiền hỗ trợ vốn	300.000.000	300.000.000
<i>Gemadept (Malaysia) Ltd.</i>		
Phải thu phí dịch vụ	15.039.730.253	16.302.999.421
<i>Gemadept (Singapore) Ltd.</i>		
Phải thu phí dịch vụ	141.739.380.872	133.350.263.078
Các khoản chi hộ	75.430.075.993	71.868.128.456
Ký quỹ thuê tàu	42.708.000.000	42.708.000.000
<i>Grand Pacific Shipping</i>		
Các khoản chi hộ	1.181.618.854	1.181.618.854
<i>Công ty TNHH cảng Phước Long</i>		
Phải thu phí dịch vụ	24.443.825.001	22.154.158.334
Ứng trước tiền dịch vụ	-	6.021.434.386
Cho vay	84.200.000.000	49.200.000.000
Phải thu khác	48.356.336	-
<i>Công ty TNHH MTV tiếp vận Gemadept</i>		
Phải thu phí dịch vụ	1.273.753.256	3.366.000.000
Lợi nhuận được chia	163.650.000.000	170.650.000.000
Cho vay	34.033.000.000	36.033.000.000
Chi hộ khác	-	5.096.000
<i>Công ty TNHH MTV Gemadept Hải Phòng</i>		
Phải thu phí dịch vụ	8.352.729.871	5.320.270.576
Các khoản chi hộ	38.727.218	60.253.196
Phải thu khác	4.000.000.000	
<i>Công ty cổ phần du lịch vận tải Trường Thọ</i>		
Phải thu phí dịch vụ	5.940.000.000	4.752.000.000
Cổ tức được chia	14.823.600.000	5.823.600.000
Phải thu tiền hỗ trợ vốn	14.876.000.000	14.876.000.000
<i>Công ty cổ phần cảng Nam Hải</i>		
Cổ tức được chia	155.385.153.504	113.385.153.504
<i>Công ty TNHH MTV vận tải hàng hải Thái Bình Dương</i>		
Phải thu tiền chi hộ	144.238.135	96.448.874
<i>Công ty TNHH dịch vụ tin học Vĩ Tín</i>		
Phải thu tiền chi hộ	853.065.050	509.200.010

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ I NĂM 2015**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Công ty TNHH MTV công nghiệp cao su Thái Bình Dương</i>		
Phải thu tiền chi hộ	1.467.023.347	1.378.568.347
<i>Công ty cổ phần hòn ngọc Thái Bình Dương</i>		
Chi hộ dự án cao su	214.401.675.103	213.322.634.679
<i>Công ty cổ phần hoa sen Thái Bình Dương</i>		
Chi hộ dự án cao su	4.713.738.544	4.680.026.659
<i>Công ty TNHH thương mại quả Cầu Vàng</i>		
Phải thu tiền hỗ trợ vốn	300.000.000	300.000.000
<i>Công ty cổ phần cảng Nam Hải Đình Vũ</i>		
Phải thu phí dịch vụ	-	998.572.778
Cho vay	48.000.000.000	110.802.000.000
Phải thu lãi cho vay	762.233.333	
<i>Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ điện lực</i>		
Cổ tức được chia	-	893.700.000
<i>Công ty cổ phần dịch vụ Minh Đạm</i>		
Phải thu khác	10.000.000.000	10.000.000.000
<i>Công ty TNHH Tiếp vận "K" Line - Gemadept</i>		
Phải thu các khoản chi hộ	-	126.897.000
Cộng nợ phải thu	<u>1.109.530.924.670</u>	<u>1.060.944.385.263</u>
<i>Gemadept (Malaysia) Ltd.</i>		
Phải trả các khoản thu hộ	946.010.344	942.227.649
<i>Công ty TNHH MTV tiếp vận Gemadept</i>		
Phải trả phí dịch vụ	9.268.026.304	1.456.483.427
Phải trả khác	359.502.928	301.407.658
<i>Công ty TNHH cảng Phước Long</i>		
Phải trả phí dịch vụ	1.049.744.107	-
Phải trả khác	739.552.848	763.558.466
<i>Công ty cổ phần tiếp vận và cảng quốc tế Hoa Sen – Gemadept</i>		
Phải trả khác	10.293.585.975	10.293.585.975
<i>Công ty TNHH MTV Gemadept Hải Phòng</i>		
Phải trả phí dịch vụ	21.223.011.025	14.290.346.068
Các khoản thu hộ và phải trả khác	21.085.413.395	21.085.413.395

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2015**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Công ty cổ phần cảng Nam Hải</i>		
Phải trả phí dịch vụ	124.128.176	118.790.792
<i>Công ty cổ phần cảng Nam Hải Đình Vũ</i>		
Phải trả phí dịch vụ	66.226.922	54.036.257
<i>Công ty TNHH MTV công nghiệp cao su Thái Bình Dương</i>		
Phải trả khác	8.279.000.000	8.279.000.000
<i>Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept Terminal Link</i>		
Vay ngắn hạn	231.387.139.754	229.655.634.780
<i>Công ty TNHH MTV Logistic Biển Sáng</i>		
Phải trả tiền hỗ trợ vốn	2.142.000.000	2.142.000.000
<i>Công ty TNHH CJ Việt Nam</i>		
Phải trả tiền thuê văn phòng	-	111.059.546
<i>Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng Gemadept</i>		
Các khoản thu hộ và phải trả khác	1.920.884.393	1.920.884.393
Cộng nợ phải trả	<u>308.884.226.171</u>	<u>291.414.428.406</u>

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

VIII. GIẢI TRÌNH CHÊNH LỆCH LỢI NHUẬN SAU THUÊ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Chỉ tiêu	Quý 1 năm 2015	Quý 1 năm 2014	Đơn vị : Đồng
			Chênh lệch tăng
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	33.179.340.132	31.820.136.655	1.359.203.477

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Lợi nhuận Công ty mẹ sau thuế thu nhập doanh nghiệp Quý 1 năm 2015 đạt hơn 33,17 tỷ đồng, tăng 1,35 tỷ đồng so với báo cáo cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân chính của việc tăng nói trên là do :

- Lợi nhuận gộp tăng 6,3 tỷ đồng so với cùng kỳ
- Chi phí quản lý doanh nghiệp giảm 1,1 tỷ đồng so với cùng kỳ
- Lợi nhuận tài chính giảm 5,5 tỷ đồng so với cùng kỳ
- Lợi nhuận khác giảm 590 triệu đồng so với cùng kỳ.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 05 năm 2015



Trương Như Nguyên
Người lập biểu



Nguyễn Minh Nguyệt
Kế toán trưởng



Đỗ Văn Minh
Tổng Giám đốc